SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

6. 5.

1075. Suriyo yathā vigatavalāhake nabhe
obhāsayaṃ gacchati antaḷikkhe,
tathūpamaṃ tuyhamidaṃ vimānaṃ
obhāsayaṃ tiṭṭhati antaḷikkhe.

1076. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī 'ti.

1077. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

1078. Ahañca bhariyā ca manussaloke
upassayaṃ arahato adamha,
annañca pānañca pasannacittā
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adamha.

1079. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1080. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī "ti.

Dutiya-upassayadāyakavimānaṃ.

6. 6.

1081. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā subhā.

1082. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī 'ti.

1083. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

6. 5.

1075. “Giống như mặt trời di chuyển ở không trung, đang chói sáng ở bầu trời có đám mây đen đã được tản mác, Thiên cung này của ngươi ngự ở không trung, đang chói sáng tương tự như thế.

1076. Ngươi đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, ngươi đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà ngươi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của ngươi chiếu sáng khắp các phương?”

1077. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1078. “Ở thế giới loài người, tôi và người vợ đã sống tại gia, đã bố thí chỗ ngụ đến vị A-la-hán. Có tâm tịnh tín, chúng tôi đã trân trọng dâng cúng vật thí, cơm ăn và nước uống dồi dào.

1079. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1080. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

Thiên Cung của Người Bố Thí Chỗ Ngụ thứ nhì.

6. 6.

1081. “Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni, ở xung quanh mười hai do-tuần, có bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

1082. Ngươi đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, ngươi đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà ngươi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của ngươi chiếu sáng khắp các phương?”

1083. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1084. Ahaṃ manussesu manussabhūto
disvāna bhikkhuṃ tasitaṃ kilantaṃ,
ekāhaṃ bhikkhaṃ paṭipādayissaṃ
samaṅgibhattena tadā akāsiṃ.

1085. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1086. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī ”ti.

Bhikkhādāyakavimānaṃ.

6. 7.

1087. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato soḷasa[1] yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā subhā.

1088. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,
aṭṭhaṭṭhakā sikkhitā sādhurūpā
dibbā ca kaññā tidasavarā uḷārā,
naccanti gāyanti pamodayanti.

1089. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī ’ti.

1090. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

1091. Ahaṃ manussesu manussabhūto ahosiṃ yavapālako,
addasaṃ virajaṃ bhikkhuṃ vippasannamanāvilaṃ.

1092. Tassa adāsahaṃ bhāgaṃ pasanno sehi pāṇihi,
kummāsapiṇḍaṃ datvāna modāmi nandane vane.

[1] dvādasa - PTS.

1084. “Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu bị run rẩy, mệt nhọc, tôi đã cung cấp trọn phần ăn một ngày, khi ấy tôi đã thực hiện bằng bữa ăn thuộc sở hữu (của mình).

1085. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1086. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

Thiên Cung của Người Bố Thí Vật Thực.

6. 7.

1087. “Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni, ở xung quanh mười sáu do-tuần, có bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

1088. Ở nơi ấy, ngươi trú ngụ, ngươi uống, và ngươi ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, và tám lần tám các cô thiếu nữ thuộc cõi Trời, sống ở cõi Ba Mươi, cao sang, đã được học tập, có dáng vóc nghiêm trang, nhảy múa, ca hát, làm trò tiêu khiển.

1089. Ngươi đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, ngươi đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà ngươi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của ngươi chiếu sáng khắp các phương?”

1090. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1091. “Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, đã là người canh giữ lúa mạch. Tôi đã nhìn thấy vị tỳ khưu, bậc vô nhiễm, thanh tịnh, không bị khuấy động.

1092. Được tịnh tín, tôi đã tự tay dâng phần chia (đã nhận được) đến vị ấy. Sau khi dâng cúng miếng bánh kem, tôi vui hưởng ở khu rừng Nandana (thuộc cõi Trời).

1093. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1094. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī ”ti.

Yavapālakavimānaṃ.

6. 8.

1095. Alaṅkato malyadharo[1] suvattho
sukuṇḍalī kappitakesamassu,
āmuttahatthābharaṇo yasassī
dibbe vimānamhi yathāsi[2] candimā.

1096. Dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ[3]
aṭṭhaṭṭhakā sikkhitā sādhurūpā,
dibbā ca kaññā tidasacarā uḷārā
naccanti gāyanti pamodayanti.

1097. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī ’ti.

1098. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

1099. Ahaṃ manussesu manussabhūto
disvāna samaṇe sīlavante,
sampannavijjācaraṇe yasassī
bahussute taṇhakkhayūpapanne,
annañca pānañca pasannacitto
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adāsiṃ.

1100. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1101. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī ”ti.

Paṭhamakuṇḍalīvimānaṃ.

---

[1] malyadharo - Ma, PTS.
[2] yathāpi - Ma, Syā.
[3] vaggū - Syā, PTS.

1093. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1094. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương."

Thiên Cung của Người Canh Giữ Lúa Mạch.

6. 8.

1095. "Ngươi đã được trang điểm, có mang vòng hoa, có y phục xinh đẹp, có bông tai khéo, có tóc râu đã được sửa soạn, có đồ trang sức ở bàn tay đã được trau chuốt, có danh vọng, giống như mặt trăng ở Thiên cung thuộc cõi Trời.

1096. Các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, và tám lần tám các cô thiếu nữ thuộc cõi Trời, sống ở cõi Ba Mươi, cao sang, đã được học tập, có dáng vóc nghiêm trang, nhảy múa, ca hát, làm trò tiêu khiển.

1097. Ngươi đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, ngươi đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà ngươi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của ngươi chiếu sáng khắp các phương?"

1098. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1099. "Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, sau khi nhìn thấy các vị Sa-môn có giới hạnh, có kiến thức và hạnh kiểm đã được thành tựu, có danh vọng, nghe nhiều, đã đạt đến sự cạn kiệt tham ái, có tâm tịnh tín, tôi đã trân trọng dâng cúng vật thí dồi dào về cơm ăn và nước uống.

1100. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1101. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vầy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương."

Thiên Cung của Người Có Bông Tai thứ nhất.